

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số : 46/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2019

V/v tranh chấp: " Hôn nhân và gia đình"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Ông Nguyễn Trọng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp và bà Nguyễn Thị Phi Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông; Nguyễn Xuân Tráng

Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương tham gia phiên tòa: Bà;
Nguyễn Thị Phương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2018/TLST- HNGĐ ngày 04/12/2018, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST, ngày 01/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị; Trần Thị D, sinh năm 1982. Vắng mặt

Địa chỉ: Số nhà 6A/1A, Khu vực 1, Phường TN, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

Bị đơn: Anh; Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1980. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 6, xã TT, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị D kết hôn với anh Nguyễn Đình Đ vào ngày 16/12/2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, lúc đầu hai vợ chồng sinh sống hai nơi, Chị Trần Thị D sống tại Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, còn chồng làm cán bộ phòng Quân Báo, Bộ Tham Mưu, Quân Khu 9, đóng tại Quận Bình Thủy, Thành phố

Cần Thơ, sau đó hai vợ chồng về sống chung tại khu tập thể Quân Khu 9, tại Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ. Tình cảm vợ chồng sau khi cưới bình thường. Sau khi sống chung với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do tính tính không hợp, anh Đ chơi cá độ, đề đóm, nợ nần nhiều nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến năm 2014 thì anh Đ ra quân và trở về địa phương sinh sống. Nay chị Trần Thị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nguyện vọng xin được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

- Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Đình Anh Đ, sinh ngày 02/6/2007. Sau khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chị Trần Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh Đ, hiện tại cháu Anh Đ đang học lớp 6 Trường THCS MH, Phường MH, Thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, cháu Đức A do chị Dung mới đưa cháu về sống cùng ông bà ngoại. Ly hôn chị Trần Thị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Nguyễn Đình Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Đình Đ đến Tòa án để làm việc công khai chứng cứ và hòa giải,, song anh Nguyễn Đình Đ đều vắng mặt không có lý do.

Tại Biên bản lấy lời khai và đơn xin xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Đình Đ trình bày như sau: Anh Đ kết hôn với chị Trần Thị D vào ngày 16/12/2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, lúc đầu hai vợ chồng sinh sống hai nơi, Chị Trần Thị D sống tại Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, còn anh làm cán bộ phòng Quân Báo, Bộ Tham Mưu, Quân Khu 9, đóng tại Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, sau đó hai vợ chồng về sống chung tại khu tập thể Quân Khu 9, tại Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ. Tình cảm vợ chồng sau khi cưới bình thường. Đến năm 2014 anh ra quân thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, nên anh về quê sinh sống. Nay chị Trần Thị D xin ly hôn anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên nhất trí ly hôn.

- Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Đình Anh Đ, sinh ngày 02/6/2007. Ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn

đều vắng mặt, song đã có đơn xin xử vắng mặt, cho nên đề nghị Tòa án xét xử. Còn về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ; về con giao cháu Nguyễn Đình Anh Đức cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi con và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Đình Đ; về tài sản không xem xét; chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như việc xét xử, song anh Nguyễn Đình Đ đều nhiều lần vắng mặt, nên Tòa án không thể công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Đình Đ đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét hợp lệ, song vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo và giấy triệu tập cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn là anh Nguyễn Đình Đ, song anh Nguyễn Đình Đ đều vắng mặt và đã có ý kiến, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều vắng mặt và đã có đơn xin xử vắng mặt, cho nên Tòa án vẫn xét xử bình thường theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Đình Đ, được xác lập trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/12/2005 tại UBND xã TT, huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn do điều kiện công tác, nên hai người sống hai nơi, tình cảm vợ chồng lúc đầu bình thường. Đến năm 2014 anh Nguyễn Đình Đ ra quân về sống chung, cũng từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống với nhau tính tình không hợp, nghi kỵ lẫn nhau trong cuộc sống, cho nên anh Nguyễn Đình Đ đã về quê ở xã TT, huyện Thanh Chương sinh sống và hai người sống ly thân từ đó đến nay. Tòa án đã triệu tập nhiều lần để công khai chứng cứ và hòa giải, song anh Nguyễn Đình Đ vắng mặt, còn chị Trần Thị D thì nhất quyết xin ly hôn, anh Nguyễn Đình Đ tuy vắng mặt, song tại biên bản lấy lời khai cũng như đơn xin xử vắng mặt anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc xin ly hôn của chị Trần Thị D, là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, 56

Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

[4] Về trách nhiệm nuôi con: Hai người có một con chung tên là Nguyễn Đình Anh Đ, sinh ngày 02/6/2007. Ly hôn anh Nguyễn Đình Đ cũng như chị Trần Thị D đều xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Việc xin được trực tiếp nuôi con của các đương sự là hoàn toàn chính đáng. Song xét thấy từ khi sống ly thân đến nay, chị Trần Thị D là người trực tiếp nuôi con và ý kiến của con cũng xin được ở với mẹ. Cho nên cần thiết giao cháu Nguyễn Đình Anh Đức cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Đình Đ là hoàn toàn phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết về phần tài sản.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

2. *Về trách nhiệm nuôi con*: Giao cháu Nguyễn Đình Anh Đ, sinh ngày 02/6/2007, cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Đình Đ

Anh Nguyễn Đình Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: Tòa án không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị D, phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí xin ly hôn. Chị Trần Thị D, được trừ đi 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0001464 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA dân sự
- Các đương sự
- UBND xã TT
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn